TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/11/2019
V/v tranh chấp:"Ly hôn, chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nhan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan, bà Hà Thị Thúy.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân - Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở, Toà án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 311/2019/TLST-HNGĐ ngày 17/6/2019 về tranh chấp: "Ly hôn, chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Hoàng Văn H**, sinh năm 1975.

- Bị đơn: Chị **Vương Thị M**, sinh năm 1977.

ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Số 51, ngõ 1022 LTN, phường HT, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho chị M: Ông Đinh Ngọc P – Luật sư văn phòng luật sư T – Đoàn luật sư thành phố H.

- Người làm chứng: Bà Tân Thị Th, sinh năm 1935; Anh Hoàng Minh D, sinh năm 2000; ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Số 51, ngõ 1022 LTN, phường HT, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

(*Những người tham gia tố tụng đều vắng mặt tại phiên tòa. Anh H, bà Th, ông P có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn anh Hoàng Văn H trình bày: Anh và chị M được tự do tìm hiểu nhau một thời gian thì cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường HT, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 28/10/1999. Sau khi kết hôn vợ chồng

chung sống hạnh phúc với nhau khoảng 4 đến 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống và cách làm ăn phát triển kinh tế, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau khi sống gần nhau. Hơn nữa tính tình chị M không hòa đồng, không biết cách đối nhân xử thế với gia đình chồng. Năm 2014, chị M đi nước ngoài đến đầu năm 2019 chị M mới về nước. Trong suốt thời gian này, vợ chồng không liên lạc gì với nhau. Từ khi chị M về nước vợ chồng cũng không gần gũi chia sẻ với nhau, việc ai người ấy làm không ai quan tâm đến ai. Đến nay, anh xác định mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị M không thể hàn gắn được nữa, do vậy anh giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị M.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Minh D, sinh ngày 15/5/2000. Hiện nay cháu đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà đất tại số 51, ngõ 1022 LTN, phường HT, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Ngay từ đầu anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản. Nên chị M yêu cầu chia tài sản thì chị M phải có quan điểm cụ thể. Chị M rút yêu cầu chia tài sản chung, anh đồng ý, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung trong vụ án này.

Về nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; Anh xác định vợ chồng anh không có công sức đóng góp gì với gia đình hai bên.

Chị M vắng mặt tại phiên tòa.Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn rút yêu cầu phản tố của chị M thể hiện:Về điều kiện kết hôn thống nhất với quan điểm của anh H. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau chỉ được khoảng 3 đến 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh H có mối quan hệ tình cảm với người khác nên ít quan tâm đến chị. Việc anh H chung với người khác chị không có bằng chứng chứng minh. Khoảng năm 2014 chị đi nước ngoài đến tháng 5/2019 chị về nước do hết thời gian lao động. Hiện chị vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại số 51, ngõ 1022 LTN, phường HT, thành phố H. Thời gian ở nhà quan hệ tình cảm vợ chồng vẫn bình thường, thi thoảng anh H có đánh đập chị. Trong thời gian lao động bên nước ngoài vợ chồng không liên lạc gì với nhau. Hiện nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn tuy nhiên con đã lớn chị cũng nghĩ đến con muốn con có cả bố và mẹ nên không đồng ý ly hôn. Ngày 05/7/2019, chị có đơn yêu cầu chia tài sản và xác định tình cảm vợ chồng đã sứt mẻ, mâu thuẫn đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, không thể chung sống. Tại đơn rút yêu cầu phản tố ngày 13/10/2019, chị xác định vợ chồng chị vẫn có nhiều khả năng hàn gắn tình cảm và chị mong muốn vợ chồng bỏ qua các mâu thuẫn để đoàn tụ. Chị không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án bác đơn của anh H, tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là cháu Hoàng Minh D, sinh ngày 15/5/2000, Hiện nay cháu đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề con chung.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng có tài sản chung nhà đất tại số 51, ngõ 1022 LTN, phường HT, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Ngày 05/7/2019, chị có đơn yêu cầu chia tài sản. Tòa án đã thụ lý yêu cầu chia tài sản chung của chị. Ngày 15/10/2019, anh Hoàng Minh D (con trai chị) giao nộp 01 đơn rút yêu cầu phản tố về chia tài sản chung có nội dung chị đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản của chị theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự và hoàn trả chị tiền tạm ứng án phí theo quy định. Chị ủy quyền cho con trai là anh Hoàng Minh D nộp đơn cho chị, nhận lại hồ sơ khởi kiện và nhận quyết định đình chỉ (nếu có) và đại diện cho chị nhận lại tiền tạm ứng án phí do Tòa án hoàn trả.

Về nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, vợ chồng không có công sức đóng góp đối với gia đình hai bên.

Quá trình giải quyết vụ án và tại đơn đề nghị ông Đinh Ngọc P - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị M có quan điểm: Sau buổi làm việc với Tòa án ngày 18/7/2019, chị M cũng không liên lạc gì với ông. Sau đó chị M có liên lạc với ông qua Zalo, địa chỉ cụ thể của chị M ở đâu ông không biết. Sau khi xem đơn rút yêu cầu phản tố của chị M ông nhận thấy chữ ký và chữ viết họ và tên tương tự chữ ký, chữ viết họ và tên trong đơn mời luật sự, đơn yêu cầu phản tố, bản tự khai của chị M. Về nội dung đơn rút yêu cầu phản tố, chị M không đồng ý ly hôn ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị M rút yêu cầu phản tố và ủy quyền cho con trai nhận lại tiền tạm ứng án phí do Tòa án hoàn trả. Ông đề nghị Tòa án chấp nhận giải quyết cho chị M. Ông xin vắng mặt tại phiên tòa.

Lời khai người làm chứng bà Tân Thị Th (mẹ đẻ anh H) xác định vợ chồng anh H, chị M có mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng, chị M có thái độ không đúng mực với bà. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, vợ chồng mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Vợ chồng có 01 con chung thống nhất như phần trình bày của anh H, chị M. Vợ chồng có tài sản là nhà đất như anh H trình bày là đúng. Anh chị có nợ ai không bà không biết. Bà xác định vợ chồng anh chị không có công sức đóng góp với gia đình bà.

Lời khai cháu Hoàng Minh D (là con đẻ của anh H, chị M) xác định cuộc hôn nhân của anh H, chị M không hạnh phúc. Năm 2014 mẹ anh đi nước ngoài lao động vì vấn đề kinh tế gia đình. Trong thời gian mẹ anh ở nước ngoài bố mẹ anh cũng không liên lạc gì với nhau. Bố anh có mang người phụ nữ khác về nhà chung sống, tuy nhiên anh cũng không có căn cứ gì chứng minh. Đầu tháng 5 năm 2019, mẹ anh về nước. Nhưng bố mẹ anh cũng không chung sống cùng nhau. Anh xác định tình cảm giữa bố mẹ anh không còn, không có sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau hàng ngày. Anh nghĩ do bố anh bị người khác tác động nên mới làm đơn xin ly hôn mẹ anh. Anh mong muốn Tòa án hòa giải để bố mẹ anh được đoàn tụ cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Hiện mẹ anh không có mặt tại địa phương. Anh nghe mẹ anh nói mẹ anh đã đi Nga lao động, còn địa chỉ cụ thể ở đâu tại Nga anh cũng không nắm được. Sau khi Tòa án triệu tập me anh để làm việc anh có thông báo nội dung cho mẹ anh biết, mẹ anh có trao đổi lại mẹ anh không đồng ý ly hôn và rút cầu giải quyết về tài sản. Mẹ anh

đã gửi đơn rút yêu cầu chia tài và nhờ anh giao nộp cho Tòa án. Anh xác định phần chữ ký "M" và chữ viết "Vương Thị M" trong đơn đề nghị là của mẹ anh. Còn phần nội dung đơn anh khẳng định là quan điểm của mẹ anh vì mẹ anh đã trao đổi với mẹ anh trước đó, phần chữ viết mẹ anh nhờ ai viết cho thì anh không biết.

Xác minh tại chính quyền địa phương xác định anh H, chị M có mâu thuẫn từ lâu do chị M có thái độ không đúng mực với chồng và mẹ chồng, không khí gia đình luôn căng thẳng. Sau đó chị M đi nước ngoài, do sống xa nhau thời gian dài nên tình cảm vợ chồng cũng lạnh nhạt. Khi chị M về nước nhưng vợ chồng cũng không hòa hợp, thường xuyên va chạm. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.Vợ chồng anh chị có một con chung đã trưởng thành. Về tài sản, nợ địa phương không nắm được.

Tại Công văn số 15778/QLXNC-P5, ngày 30/9/2019, Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an xác định: Chị Vương Thị M, sinh ngày 07/9/1977 tại Hải Dương, CMND số 030177006316 (số cũ là 142249201) khai địa chỉ thường trú tại 51/1022 LTN, thành phố H đã sử dụng hộ chiếu số B8362487 cấp ngày 19/9/2013 (hiện nay hộ chiếu đã hết giá trị sử dụng) để xuất cảnh ngày 22/3/2014 và nhập cảnh Việt Nam ngày 26/5/2019 qua cửa khẩu nội bài. Xác minh tại khu dân cư số 8 phường HT và Công an phường HT xác định chị M có đăng ký hộ khẩu tại số 51/1022 LTN, phường HT, thành phố H. Trưởng khu dân cư xác định qua nắm bắt được biết chị M đã đi nước ngoài còn cụ địa chỉ cụ thể ở đâu địa phương không nắm được vì khi đi chị M cũng không thông báo tạm vắng. Công an phường HT xác định qua nắm bắt được biết chị M vẫn đang sinh sống tại địa phương, thông tin phản ánh chị M đi nước ngoài là không chính xác.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ vợ chồng đề nghị: Xử cho anh Hoàng Văn H ly hôn chị Vương Thị M; Tài sản chung: Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung của chị Vương Thị M;Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình theo quy định. Hoàn trả chị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương giải quyết vụ án hôn nhân của anh với chị M, khi thụ lý chị M

đang cư trú tại phường HT, thành phố H. Chị M có đơn yêu cầu chia tài sản chung. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, tại đơn rút yêu cầu phản tố của chị M, người thân của chị M trình bày chị M đã đi lao động ở Nga. Tòa án xác minh tại cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an xác định không có thông tin xuất cảnh của chị M sau ngày 25/6/2019 đến nay. Xác minh tại Công an phường HT xác định chị M hiện vẫn cư trú tại địa phương, thông tin chị M đi nước ngoài là không chính xác. Tòa án xuống giao các văn bản tố tụng đều không gặp chị M. Anh D xác định nghe chị M nói lại chị M đã đi Nga nhưng địa chỉ cụ thể ở đâu anh không nắm được. Như vậy, khi khởi kiện anh H đã cung cấp đúng địa của người bị kiện. Chị M đã biết việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án sau đó đi đâu chị M không thông báo với chính quyền địa phương, Tòa án cũng như anh H. Do vậy thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh H, bà Th, ông P có đơn xin xét xử vắng mặt, chị M, anh D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặtnên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị M, anh H, ông P, bà Th, anh D là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ tình cảm vợ chồng: Anh H, chị M được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND phường HT, thành phố H ngày 28/10/1999. Do vậy quan hệ hôn nhân của anh H, chị M là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Anh H, chị M đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án chị M đồng ý ly hôn sau đó thay đổi quan điểm đề nghị Tòa án tạo điều kiện để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên bản thân chị M xin đoàn tụ nhưng lại đi mà không thông báo cho anh H biết, anh H hiện nay cũng không biết chị M ở đâu. Lời khai người thân của anh H, chị M cũng như chính quyền địa phương nơi anh chị sinh sống đều xác định vợ chồng anh chị sống không có hạnh phúc, không có sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của anh H, chị M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho anh Hoàng Văn H ly hôn chị Vương Thị M là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

Về con chung: Anh H chị M có 01 con chung là cháu Hoàng Minh D, sinh ngày 15/5/2000. Hiện nay cháu đã trưởng thành có gia đình riêng nên anh, chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Anh H, chị M đều xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà đất tại số 51, ngõ 1022 LTN, phường HT, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Ngày 05/7/2019, chị M có đơn yêu cầu chia tài sản. Ngày 18/7/2019, Tòa án thụ lý yêu cầu chia tài sản chung của chị M. Ngày 15/10/2019, anh D có giao nộp cho Tòa án 01 đơn rút yêu cầu phản tố về chia tài sản chung của chị M. Chị M đề

nghị Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản của chị theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự và hoàn trả chị tiền tạm ứng án phí theo quy định. Chị ủy quyền cho con trai là anh Hoàng Minh D nộp đơn cho chị, nhận lại hồ sơ khởi kiện và nhận quyết định đình chỉ (nếu có) và đại diện cho chị nhận lại tiền tạm ứng án phí. Anh H đồng ý việc chị M rút yêu cầu chia tài sản. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản trong vụ án này. Anh D xác định chữ ký "M" và chữ viết "Vương Thị M" trong đơn rút yêu cầu là của mẹ anh, còn chữ viết phần nội dung đơn mẹ anh có nhờ ai viết hộ không anh không biết. Nhưng anh khẳng định quan điểm về việc giải quyết vụ án là quan điểm của mẹ anh đã trao đổi với anh trước đó. Lời khai anh D phù hợp với quan điểm của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho chị M. Xét yêu cầu này của chị M thấy rằng, việc chị M rút yêu cầu chia tài sản là tự nguyện cần chấp nhận là phù hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh H, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung và xác định không có công sức đóng góp với gia đình hai bên. Do vậy, Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh H xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật. Chị M rút yêu cầu chia tài sản nên được hoàn trả số tiền tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định. Đối với quan điểm trong đơn rút yêu cầu phản tố của chị M ủy quyền cho con trai là anh D nhận thay tiền án phí tạm ứng án phí Tòa án hoàn trả thấy rằng việc ủy quyền của chị M cho anh D nhận thay tiền tạm ứng án phí do Tòa án hoàn trả thuộc giai đoạn Thi hành án nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận đề nghị này của chị M. Để đảm bảo quyền lợi cho chị M, cần trả lại số tiền tạm ứng cho chị M theo quy định. Quá trình thi hành án, nếu chị M muốn anh D nhận thay số tiền trên chị M cần lập văn bản ủy quyền cho anh D theo đúng quy định của pháp luật tại giai đoạn thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 229; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn H.

- *Về quan hệ vợ chồng:* Xử cho anh Hoàng Văn H được ly hôn chị Vương Thị M.

- *Về tài sản chung*: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của chị Vương Thị M. Đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án yêu cầu chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

- *Về án phí:* Anh Hoàng Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã

nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0006971 ngày 13/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Anh H đã thực hiện xong án phí ly hôn sơ thẩm. Hoàn trả chị Vương Thị M số tiền 4.125.000đ tạm ứng án phí chia tài sản chị M đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0007045 ngày 18/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương.

Anh H, chị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND phường HT, TP. Hải Dương để lưu hộ tịch;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhan